

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1144 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 4 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng  
vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2024/SXD-QH ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Như Xuân).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

## **1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch**

- Ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Như Xuân với 16 đơn vị hành chính cấp xã (01 thị trấn và 15 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc: Giáp huyện Thường Xuân;
  - + Phía Tây và phía Nam: Giáp tỉnh Nghệ An;
  - + Phía Đông: Giáp huyện Như Thanh.
- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 721,72 km<sup>2</sup>.
- Quy mô dân số năm 2020 khoảng 66.978 người.

## **2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch**

### **2.1. Quan điểm**

- Tuân thủ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 và các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phù hợp với các quy hoạch cấp trên, các quy hoạch ngành, lĩnh vực; kế thừa các quy hoạch, đề án đã và đang triển khai trên địa bàn huyện; cập nhật, đồng bộ với quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, phù hợp với khả năng huy động vốn, sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực; gắn kết với các vùng lân cận trong sự phát triển chung phía Nam của tỉnh, liên kết địa phương nội huyện.

- Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo môi trường sinh thái, an sinh xã hội, Quốc phòng - An ninh và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc miền núi; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện Như Xuân.

### **2.2. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025, các quy hoạch ngành của tỉnh trên địa bàn huyện, làm căn cứ để định hướng các kế hoạch,

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo; Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, thống nhất các quy hoạch trên địa bàn huyện làm công cụ để chỉ đạo toàn diện và thống nhất quản lý, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện Như Xuân; Là cơ sở pháp lý để tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, quy hoạch các khu chức năng trên địa bàn huyện.

- Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng và hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo từng giai đoạn đến năm 2030, 2045 và tầm nhìn sau năm 2045. Xây dựng và phát triển huyện Như Xuân đến năm 2030 trở thành một trong những huyện dẫn đầu khu vực miền núi của tỉnh Thanh Hóa, trong đó 62,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 12,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tỷ lệ đô thị hóa đạt 20% trở lên; Đến năm 2045 trở thành huyện khá của tỉnh, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 30% trở lên.

- Là cơ sở pháp lý, công cụ chỉ đạo để tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch các khu chức năng trên địa bàn huyện, thực hiện xây dựng chương trình, mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

### **3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng**

- Là huyện miền núi phía Tây Nam của tỉnh Thanh Hóa, cửa ngõ giao thương phía Tây Nam của tỉnh với tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Nam thông qua đường Hồ Chí Minh.

- Là vùng sinh thái thuộc vùng Nam Thanh – Bắc Nghệ và vùng kinh tế động lực phía Nam của tỉnh. Là vùng phát triển nông – lâm nghiệp, du lịch sinh thái cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường sinh thái, bản sắc văn hóa địa phương; phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ gắn với phát triển đô thị hỗ trợ cho KKT Nghi Sơn.

- Có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học (vườn Quốc gia Bến En); đảm bảo An ninh - Quốc phòng, an sinh xã hội, bản sắc văn hóa của các dân tộc miền núi tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

### **4. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng**

Cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện dựa trên: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình hạ tầng xã hội, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn, vv...

#### 4.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành. Trong đó lưu ý:

- Hệ thống hạ tầng xã hội bao gồm: Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng cần tính toán quy mô theo các công trình cấp vùng.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; Hệ thống chiếu sáng công cộng; Hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động); Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); Hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); Hệ thống vệ sinh công cộng; Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đảm bảo tiêu chí của đô thị và nông thôn.

#### 4.2. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số:

- Dân số toàn huyện năm 2020 khoảng 66.978 người, dân số đô thị 9.106 người, tỷ lệ đô thị hóa 13,6%.

- Dự báo đến năm 2030, dân số toàn huyện khoảng 75.991 người, dân số đô thị dự kiến khoảng 15.200 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 20,0% trở lên.

- Dự báo đến năm 2045, dân số toàn huyện khoảng 86.131 người, dân số đô thị khoảng 24.600 người tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30,0% trở lên.

#### 4.3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

Dự kiến chỉ tiêu đất xây dựng đô thị khoảng 200 - 250m<sup>2</sup>/người.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 304,0ha - 380,0ha.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 518,0ha - 647,0 ha.

(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

### 5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đồ án quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cụ thể như sau:

#### 5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Như Xuân và các vùng lân cận trong và ngoài tỉnh để có các giải pháp kết nối hiệu quả, đặc biệt là với KKT Nghi Sơn qua đường Nghi Sơn – Bãi Trành, với khu vực Lam Sơn – Sao

Vàng và tỉnh Nghệ An thông qua đường Hồ Chí Minh. Đánh giá tác động ảnh hưởng và mối quan hệ tương hỗ đối với các khu vực trọng điểm trong tỉnh.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng huyện Như Xuân. Luận chứng khoa học về những tiềm năng nổi trội của huyện, từ đó có đánh giá tổng hợp về những cơ hội cũng như thách thức của huyện Như Xuân trong thời kỳ mới.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên như: Khí hậu, thủy văn, địa hình địa mạo, địa chất công trình, địa chất thủy văn... để xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, các khu vực cần kiểm soát phát triển.

- Nghiên cứu, đánh giá những khu vực có nguy cơ lũ lụt cao, các khu vực có nguy cơ sạt lở đất cao làm cơ sở để có biện pháp ứng phó phù hợp.

- Đánh giá tình hình phát triển các đô thị, các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ đô thị hóa, thực trạng quản lý đô thị; các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...); hệ thống hạ tầng xã hội để làm cơ sở để xác định cơ cấu phát triển không gian.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, bao gồm: hiện trạng hệ thống giao thông từ đường xã trở lên, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý nước thải, CTR của các đô thị, các cụm công nghiệp, hiện trạng nghĩa trang, hiện trạng về tiêu thụ điện, nguồn điện và lưới điện, hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới.

## 5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Định hướng phát triển không gian vùng phải phù hợp với định hướng chung của tỉnh, trong đó xác định vùng huyện Như Xuân nằm trong vùng phía Tây Nam của tỉnh (gồm thị xã Nghi Sơn, huyện Nông Cống, huyện Như Thanh và huyện Như Xuân), lấy thị trấn Yên Cát, khu vực Bãi Trành là các trung tâm phát triển. Kết nối hệ thống giao thông với thành phố Thanh Hóa, KKT Nghi Sơn, khu vực Lam Sơn – Sao Vàng, và thị xã Thái Hòa (tỉnh Nghệ An) để tạo ra các không gian phát triển cho huyện Như Xuân. Phát huy lợi thế của tuyến đường Hồ Chí Minh để phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với phân vùng phát triển: Rà soát lại các vùng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực gắn với việc bố trí các khu chức năng, các khu vực sản xuất. Xác định các vùng phát triển (các khu vực phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch...); các khu vực hạn chế phát triển (vùng trũng thấp, vùng đồi núi cao, núi đá, vùng thoát lũ); các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (vườn Quốc gia Bến En, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các di tích lịch sử cấp quốc gia...).

- Đối với các khu vực phát triển Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Trọng tâm là công nghiệp chế biến, may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, công nghiệp phụ trợ... gắn với phát triển đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hỗ trợ cho KKT Nghi Sơn.

- Đối với các khu vực phát triển Dịch vụ - du lịch: Phát triển mạnh và đa dạng các loại hình dịch vụ tại các đô thị, trung tâm xã và các khu vực lợi thế dọc đường Hồ Chí Minh, QL45 và đường Nghi Sơn – Bãi Trành. Chú trọng phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, khám phá gắn với khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn (Vườn Quốc gia Bến En, thác Đòng Quan, đỉnh núi Bù Mùn, thác Cống Trồi, đền Chín Gian, lễ hội Đình Thi...).

- Đối với các khu vực phát triển nông, lâm nghiệp: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng Nông thôn mới; chú trọng xây dựng các khu nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao dọc đường Hồ Chí Minh, góp phần hình thành "xa lộ nông nghiệp – hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh" theo quy hoạch tỉnh.

- Các khu vực bảo tồn: Yêu cầu xác định khu vực cần bảo tồn của huyện Như Xuân như vườn Quốc gia Bến En; khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; các di tích cấp quốc gia... cần nêu rõ giải pháp cụ thể ứng xử phù hợp theo các quy định của Pháp luật có liên quan.

### 5.3. Yêu cầu nghiên cứu về hệ thống đô thị - nông thôn

- Hệ thống đô thị: Theo định hướng Quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh, huyện Như Xuân có 02 đô thị là thị trấn Yên Cát và đô thị Bãi Trành. Do vậy, cần có các định hướng để tập trung các nguồn lực phát triển thị trấn Yên Cát và khu vực Bãi Trành thành các trung tâm phát triển của huyện. Đồng thời rà soát đánh giá, xác định lại quy mô, tính chất sự phù hợp của các đô thị trên địa bàn toàn huyện đảm bảo tiêu chí quy định tại Nghị quyết 1210/2016/NQ-UBTVQH gắn với sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính.

- Khu vực nông thôn: Định hướng khung hạ tầng chung, trong đó chú trọng hạ tầng giao thông, định hướng các khu vực dân cư hiện hữu, các khu vực dự kiến phát triển, các khu, cụm công nghiệp, khu vực phát triển nông lâm nghiệp. Làm cơ sở để lập các đồ án quy hoạch chung xã theo các quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về quy hoạch chung xây dựng xã.

#### 5.4. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

- Xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và một số công trình hạ tầng xã hội phục vụ vùng liên huyện như: các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

- Phân bổ và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội của huyện gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, khu vực bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa là điểm mạnh của huyện.

#### 5.5. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

- Về định hướng giao thông:

+ Xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết với các khu vực trọng điểm của tỉnh. Đối với giao thông nội huyện, lựa chọn khung giao thông để phát triển các khu vực mới và các đô thị dự kiến hình thành, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với khu vực trung tâm các xã. Lưu ý khai thác lợi thế của các tuyến hành lang kinh tế, giao thông quốc gia đường Hồ Chí Minh, QL45, đường Nghi Sơn – Bãi Trành.

+ Trong quá trình lập quy hoạch đề nghị định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo đúng với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QH-UBND ngày 29/8/2017. Nghiên cứu, khớp nối các tuyến giao thông theo định hướng quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Về định hướng cao độ nền và thoát nước mặt: Phân tích, đánh giá về địa hình, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng, xác định các khu vực thuận lợi xây dựng, hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên. Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối, hệ thống thủy lợi, đê điều, trạm bơm tiêu thoát lũ, chống ngập. Đề xuất các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị; trung tâm huyện lỵ. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện: Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất, điều chỉnh lưới truyền tải điện và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

- Về hạ tầng viễn thông thụ động: Dự báo nhu cầu viễn thông theo các giai đoạn. Xác định quy mô, vị trí các điểm phục vụ viễn thông công cộng, các trạm chuyên mạch, các trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) cấp vùng huyện và mạng cáp kết nối.

#### 5.6. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác:

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu thực hiện theo Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (khu vực bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

## 6. Hồ sơ sản phẩm

### 6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch



Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

Sử dụng bản đồ địa hình số tỷ lệ 1/25.000 và tỷ lệ 1/10.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

## 6.2. Hồ sơ quy hoạch

### a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

### b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

## 6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng báo cáo thẩm định theo yêu cầu của hội nghị.
- Hồ sơ trình duyệt lập thành 8 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định, quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

### **7. Kinh phí thực hiện**

- Kinh phí lập quy hoạch: Giao UBND huyện Như Xuân tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
- Nguồn vốn lập quy hoạch: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 22/02/2021.

### **8. Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Như Xuân.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian thực hiện đồ án quy hoạch: Trước ngày 30/9/2021 (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 17478/UBND-CN ngày 16/12/2020).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Như Xuân; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - Lưu: VT, CN.
- H1.(2021)QDPD\_NV QHVVH Như Xuân

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**